

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2022
*V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn Phúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Dụng và bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: **268 /2021/TLST-HNGĐ** ngày **01** tháng **11** năm **2021** về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Vương Thị H**, sinh 1984; nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**. Chị H có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Vũ Trọng T**, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT: **Thôn T, xã Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**. Anh T vắng mặt.

3. Người làm chứng: **Chị Vũ Thị L**, sinh năm 1979, địa chỉ: **Thôn T, xã Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương**. Chị L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/10/2021, các tài L có trong hồ sơ, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Vũ Trọng T** tự nguyện kết hôn, được UBND xã **Q, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày **19/02/2010**. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì mâu thuẫn, nguyên nhân là anh T đánh bạc, dẫn đến nợ nần, nhiều lần chị khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Đến năm 2017 thì anh T càng chơi bời, quan hệ không đúng mực với cả người phụ nữ khác. Đến năm 2018, do mâu

thuần quá căng thẳng nên chị H và anh T đã ly thân, không quan tâm đến nhau, anh T đi chơi bời hay làm ăn gì chị cũng không nắm được. Tháng 8/2020 thì anh T về xin đoàn tụ cùng chị, vợ chồng cùng kinh doanh hoa tươi tại cửa hàng. Vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7/2021, thì chị thấy nhiều chủ nợ đến đòi nợ anh T, lúc đó chị biết là anh T không thể thay đổi. Chị đã trao đổi với anh T việc chị làm đơn gửi Tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh T nói: không nhất trí ly hôn, tự chị H đi mà giải quyết. Do vợ chồng không còn hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 02/4/2012 và Vũ Trọng Ph, sinh ngày 02/11/2013, hiện đều đang ở cùng chị (các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với mẹ). Quan điểm của chị là sau khi vợ chồng ly hôn, chị xin tiếp tục nuôi cả 2 con đến khi trưởng thành và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị làm Nhân viên Thư viện – Trường THCS Bạch Đằng, xã Bạch Đằng, thị xã Kinh Môn và kinh doanh cửa hàng hoa tươi, bánh sinh nhật, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng.

- *Về tài sản, nợ chung*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh T: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các văn bản tố tụng khác cho anh T. Tuy nhiên, anh không đến Tòa trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị H. Chị gái anh T là chị Vũ Thị L cũng đã thông báo, trực tiếp gọi điện động viên anh T về tham gia phiên hòa giải để vợ chồng đoàn tụ do Tòa án tổ chức nhưng anh T cho biết là không về vì anh không muốn ly hôn với chị H, việc gửi đơn ly hôn là do chị H tự quyết định.

Xác minh tại thôn T, xã Q, bà Thường – trưởng thôn cho biết: Anh T, chị H kết hôn và sinh sống tại Thôn T, xã Q, chị H ngoài làm nhân viên thư viện ở trường học còn tham gia kinh doanh cửa hàng hoa tươi cùng chồng là anh T. Bà không nắm được giữa vợ chồng chị H có mâu thuẫn hay không vì không thấy chị H phản ánh vợ chồng mâu thuẫn cũng như không đề nghị thôn hòa giải.

Xác minh tại Công an xã Q cho biết: Anh Vũ Trọng T, sinh năm 1984, đăng ký HKTT tại thôn T, xã Q, thị xã Kinh Môn, Hải Dương. Anh T vẫn sinh sống tại nhà ở địa chỉ nêu trên.

Chị Vũ Thị L (là chị gái anh T) cho biết: Vợ chồng anh T, chị H ở cạnh nhà chị. Năm 2010, chị H và anh T kết hôn tự nguyện, tổ chức đám cưới theo phong tục, chung sống hạnh phúc và có 2 con chung. Quá trình vợ chồng chị H anh T chung sống cũng có những mâu thuẫn nhỏ dẫn đến vợ chồng giận dỗi, chị coi chị H như em gái nên chị và người thân trong gia đình đã động viên, khuyên giải vợ chồng chị H. Tuy nhiên chưa thấy anh T, chị H hòa hợp để cùng xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc và nuôi dạy con cái. Gần đây anh T đi làm ở đâu chị cũng không biết, chị gọi điện thông báo việc tòa án giải quyết ly hôn, nhưng anh T không về tham gia phiên hòa giải, không cho biết địa chỉ. Mặc dù anh T không có nhà nhưng khi có khách gọi điện cho anh T đặt bánh, hoa thì anh T lại gọi về cho chị H làm. Từ đó chị thấy rằng tình cảm vợ chồng giữa chị

H và anh T vẫn còn nên chị và gia đình mong muốn và đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng chị H anh T đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị H vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh T, xin tiếp tục nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn – anh T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, cho chị H ly hôn anh T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Về con chung: Căn cứ Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con chung là cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 02/4/2012 và Vũ Trọng Ph, sinh ngày 02/11/2013 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không xem xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về Tố tụng:* Bị đơn – anh T có nơi cư trú tại xã Q, thị xã Kinh Môn nên yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, người làm chứng vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 229 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt anh T và người làm chứng.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị H và anh T có đủ điều kiện, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh và các tài L khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để xác định: Quá trình cùng chung sống, chị H và anh T có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng không còn tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ với nhau. Gia đình anh T và chị H đã động viên, hòa giải để vợ chồng khắc phục mâu thuẫn, cùng chung sống nhưng không thành. Thông qua chị L là chị gái anh T, anh T thể hiện quan điểm không muốn ly hôn với chị H,

Toà án đã triệu tập anh T để hòa giải nhiều lần, tuy nhiên anh T không đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia phiên hòa giải không có lý do, cũng không về đoàn tụ chung sống cùng chị H. Điều đó thể hiện việc anh T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Nay chị H vẫn cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T. Như vậy, thấy rằng anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo Điều 19 Luật HNGĐ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị H, xử cho chị H ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về con chung*: Cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 02/4/2012 và Vũ Trọng Ph, sinh ngày 02/11/2013, hiện đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Cả hai cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ. Để đảm bảo sự ổn định, được chăm sóc tốt nhất cho các cháu, cần giao cả hai cháu Nam và cháu Phong cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là phù hợp; chị H làm nhân viên thư viện trường học và kinh doanh thêm hoa tươi, bánh sinh nhật, thu nhập bình quân đủ để đảm bảo cho cuộc sống và nuôi con nên chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị H, anh T đều không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 229; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Vương Thị H.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vương Thị H ly hôn anh Vũ Trọng T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Vũ Trọng N, sinh ngày 02/4/2012 và Vũ Trọng Ph, sinh ngày 02/11/2013 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người

không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Về án phí: Chị Vương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương theo biên lai số AA/2020/0001161 ngày 29/10/2021, chị H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- UBND xã Q, thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Đào Văn Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dụng Nguyễn Thị Lựu

Đào Văn Phúc

